TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/DS-ST
Ngày: 25/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Tín Hiền.
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139A/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B;

Địa chỉ: Tòa nhà L, số Y đường K, phường T, Quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1 – Tổ trưởng khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Sóc Trăng - Phòng giao dịch Vĩnh Châu (Quyết định ủy quyền số: 344/2023/QĐ-L.ST ngày 28/3/2023, có mặt);

Địa chỉ: Đường U khóm Y, Phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1 Ông S, sinh năm 19U (vắng mặt);

2.2. Bà H, sinh năm 19Y (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Em B, sinh năm 20U;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 24/02/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với ông S và bà H ký hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 vay số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023 ông S và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền là 36.819.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm mười chín nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 36.819.000 đồng (do đã trả trước nợ gốc số tiền là 93.181.000 đồng và lãi).

- Khoản vay thứ hai: Ngày 29/9/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với ông S và bà H ký hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023 ông S và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP B đối với:

- Khoản vay thứ nhất: Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020: Tiền vốn gốc là 36.819.000 đồng.

- Khoản vay thứ hai: Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021: Tiền vốn gốc là 34.543.732 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn 2.995.953 đồng. Tổng số tiền là 42.709.685 đồng (bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ chín nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Tổng cộng 02 khoản nợ trên với tổng số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông S và bà H ký Hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000032 ngày 24/02/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Thửa đất số Y, tờ bản đồ số 57, với diện tích 115,0m^2; tọa lạc tại ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 668555 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất.

Do ông S và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận. Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Sên, bà Hạnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên, nhưng đến nay ông S và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP B. Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023, ông S

và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc các bị đơn ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với tổng số tiền là 79.582.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng.

Đồng thời, buộc ông S và bà H phải còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021, kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp các bị đơn ông S và bà H không thanh toán số tiền nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000032 ngày 24/02/2020 để thu hồi nợ.

Đối với các bị đơn S và bà H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với các bị đơn nêu trên, nhưng vẫn vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho các bị đơn ông S và bà H nêu trên để biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án thực hiện đúng theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn ông S, bà H. Buộc các bị đơn ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 25/9/2023 với tổng số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng.

Đồng thời, buộc ông S và bà H còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021, kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S và bà H không có khả năng thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liệt Việt được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HDTC881202000032 ngày 24/02/2020 để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 25/9/2023 với tổng số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với các bị đơn ông S và bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021 được ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với các bị đơn ông S và bà H được thiết lập bằng văn bản theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Mục đích vay vốn là tiêu dùng. Trong đó, bên cho vay, bên vay đã giao kết cụ thể rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp, do bên vay là các bị đơn ông S và bà H vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng như hợp đồng đã được ký kết. Việc xác lập hợp đồng rõ ràng, bên vay và bên cho vay đã được ký kết tại các Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021. Đồng thời, để đảm bảo việc thanh toán nợ,

ông S ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản HDTC881202000032 ngày 24/02/2020. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không cần phải chứng minh.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu buộc các bị đơn ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tính đến ngày 25/9/2023 bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của mình thì ông S và bà H đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng. Do đó, ông S và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000032 ngày 24/02/2020 mà các bên đã ký kết.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

[4.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc các bị đơn ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tính đến ngày 25/9/2023 với số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26 tháng 9 năm 2023), ông S và bà H còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông S và bà H phải liên đới tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Trường hợp ông S và H trả nợ không đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (HDTC881202000032 ngày 24/02/2020):

Thửa đất số Y, tờ bản đồ số 57, với diện tích 115,0m^2; tọa lạc tại Ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 668555 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi có yêu cầu, các ông S và bà H và em B phải có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được chấp nhận, nên các bị đơn ông S và bà H phải liên đới chịu án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy, đề nghị của vị Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 92, 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 288, 325, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc các bị đơn ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng cộng số tiền là 79.528.685 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 71.362.732 đồng; tiền lãi trong hạn 5.170.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.995.953 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26 tháng 9 năm 2023), ông S và bà H còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số HDTD8812021000032 ngày 24/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100259 ngày 29/9/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông S và bà H phải tiếp tục liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Trường hợp ông S và bà H trả nợ không đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có

thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp số HDTC881202000032 ngày 24/02/2020):

Thửa đất số Y, tờ bản đồ số 57, với diện tích 115,0m^2; tọa lạc tại Ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 668555 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi có yêu cầu, ông S và bà H và em B phải có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Các bị đơn ông S và bà H phải liên đới chịu là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần B nộp tạm ứng trước, nên ông S và bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông S và bà H phải liên đới chịu là 3.976.434 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 1.043.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008014 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương